

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2020/DS - ST

Ngày: 27/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Khánh Đào.
2. Ông Lê Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy, thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Trương Hà Linh – Kiểm sát viên

Ngày 27/8/2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1968

Địa chỉ: 101 Đ, phường V, thành phố N, tỉnh K

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao T1, sinh năm 1964 theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2020 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc P (có mặt)

Địa chỉ: 03 Lô E đường A, Khu X, phường B, Quận C, Tp.Q

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Vũ Như Bích N, sinh năm 1982 (vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 13 L, phường M, quận G, Tp.Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Cao Trí trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Vũ Như Bích N, ông Nguyễn Thế T2 nên trong năm 2019 bà T nhiều lần cho bà N và ông T2 mượn tiền, cụ thể như sau: Ngày 22/5/2019 mượn số tiền 400.000.000 đồng, ngày 31/5/2019 mượn số tiền 600.000.000 đồng, ngày 03/6/2019 mượn số tiền 500.000.000 đồng, ngày 14/6/2019 mượn số tiền 500.000.000 đồng, ngày 01/10/2019 mượn số tiền 1.000.000.000 đồng. Tất cả số tiền trên

bà T đều chuyển vào tài khoản số 060064116277 mở tại Ngân hàng TMCP S đứng tên bà Nguyễn Vũ Như Bích N

Trong quá trình mượn, bà N và ông T2 có viết giấy mượn tiền vào ngày 14/6/2019 số tiền 2.000.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền ngày 01/10/2019 số tiền 1.000.000.000 đồng. Theo giấy mượn tiền ngày 14/6/2019 hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Giấy mượn tiền ngày 01/10/2019 không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 31/12/2019 bà N và ông T2 đã trả cho bà Trang được 1.500.000.000 đồng tiền nợ gốc, trong đó trả 1.000.000.000 đồng cho giấy mượn tiền ngày 01/10/2019 và 500.000.000 đồng cho giấy mượn tiền ngày 14/6/2019. Từ lúc mượn tiền cho đến khi bà T khởi kiện tại Tòa án, bà N và ông T2 vẫn chưa trả tiền lãi cho bà T như thỏa thuận. Sau khi vay mượn tiền, bà N và ông T2 hứa sẽ trả tiền đúng hạn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi, tìm cách né tránh bà T. Do đó, bà Trang khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận.

Bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời làm việc trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T2, bà N

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Nguyễn Cao T1 trình bày: Bà N và ông T2 vay của bà T tổng cộng số tiền là 3.000.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất nhưng trên thực tế bà N và ông T2 không trả tiền lãi cho bà T. Sau khi vay tiền, đến ngày 31/12/2019 ông T2, bà N đã trả được tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, trong đó trả 1.000.000.000 đồng cho giấy mượn tiền ngày 01/10/2019 và 500.000.000 đồng cho giấy mượn tiền ngày 14/6/2019. Đến nay ông T2, bà N không trả thêm được tiền nợ gốc cũng như tiền lãi cho bà T như thỏa thuận. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Nguyễn Thế T2 và bà Nguyễn Vũ Như Bích N có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 19,2%/năm, tương đương 1,6%/tháng. Cụ thể tiền lãi như sau:

Từ ngày 14/6/2019 đến ngày 31/12/2019 là 6,5 tháng $\times 1,6\% \times 2.000.000.000$ đồng = 208.000.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 27/8/2020 (tính tròn 7,5 tháng) $7,5 \text{ tháng} \times 1,6\% \times 1.500.000.000$ đồng = 180.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi ông T2, bà N phải trả là 1.880.000.000 đồng. Yêu cầu ông T2, bà N trả số tiền trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bà Ngọc, ông T2 tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ.

Ông Nguyễn Thế T2, bà Nguyễn Vũ Như Bích N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư

cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn, bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Đức T3 là chồng bà Nguyễn Thị Thu T có văn bản xác nhận số tiền bà T cho ông T2, bà N vay là tiền cá nhân của bà T và yêu cầu Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông T3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Bị đơn, ông Nguyễn Thế T2, bà Nguyễn Vũ Như Bích N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 388.000.000 đồng.

Qua diễn biến tại phiên tòa, phần trình bày, tranh luận của các bên, ý kiến đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Căn cứ vào các giấy ủy nhiệm chi ngày 21/5/2019, 22/5/2019, 03/6/2019, 14/6/2019, 01/10/2019 của Ngân hàng TMCP H thể hiện bà Nguyễn Thị Thu T có chuyển khoản đến tài khoản số 0600641126277 của bà Nguyễn Vũ Như Bích N mở tại Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền là 3.000.000.000 đồng. Sau khi thực hiện việc chuyển khoản thì ngày 14/6/2019 ông T2, bà N xác nhận có vay của bà T số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ngày 01/10/2019 bà N ký giấy mượn số tiền 1.000.000.000 đồng. Tại giấy mượn tiền ngày 01/10/2019 chỉ có bà N ký giấy mượn. Tuy nhiên, căn cứ theo kết quả xác minh của công an phường 10, quận G thì bà N và ông T2 là vợ chồng, số tiền mượn của bà T trong thời kỳ hôn nhân nên có đủ căn cứ xác định số tiền theo giấy mượn tiền ngày 01/10/2019 do bà N ký là nợ chung của hai vợ chồng.

Theo giấy mượn tiền ngày 14/6/2019 không thỏa thuận thời hạn mượn nhưng căn cứ vào Thông báo yêu cầu trả nợ do bà Nguyễn Thị Thu T gửi cho bà N, ông T2, phiếu báo phát do Bureau D gửi ngày 16/3/2019 thể hiện ông T2, bà N đã nhận được thông báo của bà T. Do đó, bà T được quyền khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền cho mượn trước thời hạn là phù hợp quy định pháp luật nên cứ cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà N, ông T2 không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ theo sự xác nhận của nguyên đơn thì đến ngày 31/12/2019 ông T2, bà N đã trả được số tiền 1.500.000.000 đồng, trong đó trả 1.000.000.000 đồng đối với khoản mượn tiền ngày 01/10/2019, 500.000.000 đồng đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng ngày 14/6/2019 và còn nợ 1.500.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Theo giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là vi phạm mức lãi suất cho vay. Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi suất 19,2%/năm tương đương 1,6%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 phải trả tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất 1,6%/tháng là 388.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 09/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T :

Buộc bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Tiền lãi tính đến ngày Tòa án xét xử là 388.000.000 đồng.

Tổng cộng, tiền nợ gốc và lãi là 1.888.000.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi tám triệu đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 trả toàn bộ số tiền trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 28/8/2020 cho đến khi trả hết nợ.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 68.640.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) do bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 phải nộp.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.861.500 đồng (ba mươi một triệu tám trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016177 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Vũ Như Bích N và ông Nguyễn Thế T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tân Bình;
- Dương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Út

